

Số: 1642/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả giám sát tài chính, xếp loại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2018**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 09/5/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

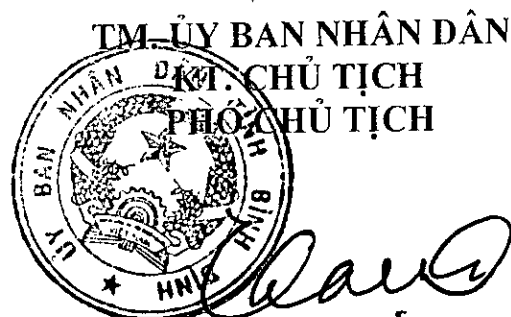
**Điều 1.** Phê duyệt kết quả giám sát tài chính, xếp loại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của Người quản lý doanh nghiệp nhà nước năm 2018 như các Phụ biểu kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc công khai thông tin tài chính và kết quả xếp loại được phê duyệt tại Điều 1 theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Lãnh đạo các doanh nghiệp có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ph*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12, K20, K17. *ph*



**Phan Cao Thắng**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH**

(Được phê duyệt theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

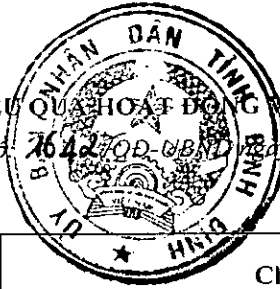
[Kỳ] Báo cáo: 2018

DVT: triệu đồng

| TT | Tên doanh nghiệp                                     | Tổng doanh thu | Lợi nhuận thực hiện | Nộp ngân sách | Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính | Ghi chú |
|----|------------------------------------------------------|----------------|---------------------|---------------|--------------------------------------|---------|
| 1  | Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định | 56.613         | 5.939               | 1.196         | không                                |         |
| 2  | Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định              | 337.364        | 23.401              | 111.352       | không                                |         |
| 3  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn                     | 21.588         | 5.092               | 10.317        | không                                |         |
| 4  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn                     | 50.445         | 9.583               | 9.935         | không                                |         |
| 5  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh                     | 35.030         | 2.687               | 3.265         | không                                |         |

ok

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2018**  
 (Được phê duyệt theo Quyết định số 4642/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



| TT | Tên doanh nghiệp                        | Chỉ tiêu 1            |         |          | Chỉ tiêu 2                |        |                          |        |                    |       |          | Chỉ tiêu 3                     |              |             |                   |          | Chỉ tiêu 4<br>Xếp loại | Chỉ tiêu 5<br>Xếp loại | Xếp loại DN |
|----|-----------------------------------------|-----------------------|---------|----------|---------------------------|--------|--------------------------|--------|--------------------|-------|----------|--------------------------------|--------------|-------------|-------------------|----------|------------------------|------------------------|-------------|
|    |                                         | Tổng doanh thu (tr.đ) |         |          | Lợi nhuận sau thuế (tr.đ) |        | Vốn CSH bình quân (tr.đ) |        | Tỷ suất LN/vốn (%) |       | Xếp loại | Khả năng thanh toán nợ đến hạn |              |             | Nợ quá hạn (tr.đ) | Xếp loại |                        |                        |             |
|    |                                         | KH                    | TH      | Xếp loại | KH                        | TH     | KH                       | TH     | KH                 | TH    |          | TSNH (tr.đ)                    | Nợ NH (tr.đ) | Tỷ lệ (lần) |                   |          |                        |                        |             |
| 1  | Công ty TNHH KTCTTL Bình Định           | 54.926                | 56.613  | A        |                           |        |                          |        |                    |       |          | 20.965                         | 15.464       | 1,36        | 0                 | A        | A                      | A                      | A           |
| 2  | Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định | 298.143               | 337.364 | A        | 14.400                    | 18.244 | 74.500                   | 74.500 | 19,33              | 24,49 | A        | 144.738                        | 75.013       | 1,93        | 0                 | A        | A                      |                        | A           |
| 3  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn        | 22.663                | 21.588  | B        | 4.288                     | 4.295  | 45.448                   | 45.448 | 9,43               | 9,45  | A        | 49.141                         | 4.058        | 12,11       | 0                 | A        | A                      |                        | A           |
| 4  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn        | 47.200                | 50.445  | A        | 6.840                     | 7.771  | 33.958                   | 34.718 | 20,14              | 22,38 | A        | 44.147                         | 18.194       | 2,43        | 0                 | A        | A                      |                        | A           |
| 5  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh        | 35.473                | 35.030  | B        | 2.080                     | 2.150  | 40.127                   | 40.410 | 5,18               | 5,32  | A        | 65.224                         | 17.523       | 3,72        | 0                 | A        | A                      |                        | A           |

đk

# **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2018**

(Được phê duyệt theo Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



| TT | Tên doanh nghiệp                                     | Chỉ tiêu 2: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (%) |       |        |          | Chỉ tiêu 5 | Kết quả xếp loại DN | Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá KQ hoạt động của Người quản lý DN | Xếp loại hoạt động của Người quản lý DN |
|----|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------|--------|----------|------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|    |                                                      | KH                                                 | TH    | TH/KH  | Xếp loại |            |                     |                                                                         |                                         |
| 1  | Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định |                                                    |       |        |          | A          | A                   | Thực hiện tốt                                                           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ                 |
| 2  | Công ty TNHH Xổ số kiến thiết Bình Định              | 19,33                                              | 24,49 | 126,69 | A        |            | A                   | Thực hiện tốt                                                           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ                 |
| 3  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn                     | 9,43                                               | 9,45  | 116,95 | A        |            | A                   | Thực hiện tốt                                                           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ                 |
| 4  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn                     | 20,14                                              | 22,38 | 142,21 | A        |            | A                   | Thực hiện tốt                                                           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ                 |
| 5  | Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh                     | 5,18                                               | 5,32  | 102,64 | A        |            | A                   | Thực hiện tốt                                                           | Hoàn thành tốt nhiệm vụ                 |

*sk*